

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 282, Điều 288, Điều 351, Điều 430 và khoản 2 Điều 468 và của Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 21/01/2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2025/TLST- DS ngày 03 tháng 01 năm 2025

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn Q, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn E, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm 1979 và chị Lê Thị N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn Y, xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền trả nợ: Hai bên thống nhất, anh K và chị N thông qua người thân để vay tiền anh Q và muốn bán tài sản của gia đình anh K, chị N cho anh Q mua. Sau khi thống nhất, anh Q đến nhà để thăm tài sản và thống nhất mua. Tuy nhiên, tài sản mua bán là cửa và khuôn học gỗ đã lắp vào công trình nhà đang ở là 03 bộ

cửa và các tài sản vật dụng khác gồm: 01 bộ khuôn học cửa sổ và 02 bộ khuôn học và cửa chính tầng 1; 01 bộ bàn ghế gỗ ba cục, 02 tủ lạnh nhỏ, 01 máy phát điện, 03 điều hòa loại công Suất 18, 01 máy khâu, 01 bộ máy tính, 01 TV SamSung 15inch. Tổng giá trị tài sản mà các bên thống nhất mua bán là 90.000.000đ.

Hai bên thống nhất anh K, chị N đã nhận số tiền 81.000.000đ bằng hình thức chuyển khoản và 9.000.000đ tiền mặt được giao tại nhà anh K, chị N. Sau 01 tháng, anh K chị N chuyển khoản cho anh Q 02 lần, lần thứ nhất 05 triệu, lần thứ hai 03 triệu đồng tiền lãi. Sau đó anh Q không yêu cầu lấy lãi mà yêu cầu giao tài sản hoặc trả lại số tiền 90.000.000đ; thời điểm này anh Q phát hiện nhà anh K, chị N bán bớt một số tài sản (gồm máy phát điện và 01 bộ bàn ghế gỗ ba cục).

Nay anh Q yêu cầu lấy lại tiền và không yêu cầu tính lãi suất. Đối với số tiền trả 02 lần tổng là 8.000.000đ, hai bên thống nhất không tính vào tiền gốc và coi như tự nguyện cho nhau. Số tiền hai bên giao nhận cho nhau ban đầu, anh K và chị N thống nhất trả lại cho anh Q số tiền 90.000.000đ như yêu cầu khởi kiện.

Về thời gian và phương thức trả nợ: Các bên thống nhất, toàn bộ số tiền nợ trên vợ chồng anh K, chị N trả số tiền 90.000.000đ trong thời gian 03 tháng, thời gian trả nợ kể từ ngày 22/01/2025. Cụ thể:

Từ ngày 22/01/2025 đến ngày 22/3/2025 anh K, chị N có trách nhiệm liên đới trả số tiền 20.000.000đ. Từ ngày 23/3/2025 đến ngày 22/4/2025 anh K, chị N có trách nhiệm liên đới trả hết số tiền còn lại. Nếu anh K và chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền theo đúng thời hạn đã cam kết thỏa thuận thì anh Q có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền để thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí dân sự có giá ngạch: Anh Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 2.250.000 đồng, số tiền án phí mà anh Q tự nguyện chịu được đối trừ vào số tiền theo Biên lai thu tiền số 0003336 ngày 03/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự Hậu Lộc.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Hậu Lộc;
- Chi cục THADS Hậu Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Nghi